

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HS-ST

Ngày: 28-12-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Tuấn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà: **Nguyễn Thị Hồng Chuyên**

- Ông: **Nguyễn Hồng Diện**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Đặng Thị Dạ Lan.**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà:* Bà **Phạm Thị Hà Xuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 05/10/1976 tại huyện Q, tỉnh G; nơi cư trú: Thôn T I, xã H, huyện Q, tỉnh G; nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến H (*Đã chết*) và bà Ma Thị A, sinh năm 1954; có vợ là Ma Thị T, sinh năm 1986; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1998; con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 17-7-2018, bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:*

+ Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Q, tỉnh G. Người đại diện hợp pháp: Ông **Hoàng Văn P**, sinh năm: 1964, chức vụ: Trưởng Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Q, tỉnh G; có mặt.

+ Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh G. Người đại diện hợp pháp: Ông **Sùng Đại H**, chức vụ: Giám đốc Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh G. Người được ông Sùng Đại H ủy quyền tham gia tố tụng là Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Q, tỉnh G. Người đại diện hợp pháp: Ông **Hoàng Văn P**, sinh năm: 1964, chức vụ: Trưởng Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Q, tỉnh Hà G; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lâm Thị Y, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh G. Người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị Ý là anh Mông Xuân H1, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1928; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G. Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn S là anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Quan Thị N, sinh năm 1928; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G. Người đại diện theo ủy quyền của bà Quan Thị N là anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Ma Thị Y1, sinh năm 1928; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G. Người đại diện theo ủy quyền của bà Ma Thị Y1 là anh Ma Văn M1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Ma Thị L2, sinh năm 1928; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G. Người đại diện theo ủy quyền của bà Ma Thị L2 là anh Ma Văn H3, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Mông Văn V, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Nùng Thị Lúm, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Lương Thị L5, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Phúc Văn C, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Giàng Văn D, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Giang Văn C1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Bàn Văn A1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Đặng Quý T3, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- + Ông Đặng Ngọc K, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Đặng Chòi T4, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Đặng Quang H5, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Bàn Văn Đ, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Đặng Quây M, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Đặng Chòi S, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Hà Văn L6, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Bàn Văn T7, sinh năm 1949; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Đặng Văn Đ1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Đặng Chòi L8, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn O, H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Bàn Quang C3, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Hoàng Thị D3, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn L9, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn O, sinh năm 1938; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà La Thị Đ4, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Nông Thị N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Lưu Văn P3, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn Đ5, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- + Bà Phan Mùi N3, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Nông Văn D5, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Trịnh Công Q, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Phan Thị N6, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Hoàng Thị T10, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Hoàng Thị N7, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn Q, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Hoàng Thị T11, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Vương Văn T12, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông La Văn P8, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Nguyễn Văn H5, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Phan Thị X, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Lý Văn A3, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Lương Văn A4, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Phan Xuân C6, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Tinh Hà N8, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Đặng Quỳ P9, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn T13, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Tinh Hà T14, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- + Bà Nguyễn Thị T15, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Phan Xuân P10, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Đặng Mùi S3, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Đặng Văn Y4, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Phan Xuân Q2, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Tải Văn S5, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn C9, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Triệu Văn C10, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Nông Văn Đ5, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn T, xã H, Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Tô Văn K, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Tô Văn A5, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Lương Văn N4, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Nông Văn E, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Hoàng Văn N7, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Phùng Thị H11, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Lương Văn S3, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn K3, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Phùng Văn T15, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- + Ông Nông Văn N8, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn T16, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Qg, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Phùng Văn P5, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn C13, sinh năm 1955; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Nông Văn Bùn, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn Tân Thành III, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Hà Văn L2, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Nông Văn N9, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Ma Thị B, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn A6, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn T17, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Phùng Văn S5, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn L5, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn H10, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn M5, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Nông Văn C12, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Ma Văn H11, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Hoàng Văn N14, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Phùng Văn Q1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Nguyễn Văn T18, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Lương Văn Q6, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; có mặt.

+ Ông Phùng Sùn L6, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Hoàng Văn N15, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Ma Thị T19, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện X, tỉnh G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh G. Người đại diện hợp pháp là ông Hoàng Kim C20, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh G, chức vụ: Chủ tịch UBND xã H. Người được ông Hoàng Kim C20 ủy quyền tham gia tố tụng là ông Ma Văn C21, sinh năm 1977, chức vụ: Công chức tư pháp, hộ tịch phụ trách phó trưởng công an xã H, nơi cư trú: Thôn M, xã X, huyện Q, tỉnh G. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Hoàng Kim C22, sinh năm 1965; vắng mặt

+ Ông Tinh Hà C23, sinh năm 1967; vắng mặt.

+ Ông Vũ Đức C24, sinh năm 1958; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Đ8, sinh năm 1981; có mặt.

+ Chị Nguyễn Thanh T21, sinh năm 1990; có mặt

+ Ông Bàn Văn G3, sinh năm 1983; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Thế T22, sinh năm 1983; vắng mặt.

+ Ông L Văn S9, sinh năm 1964; vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị T24, sinh năm 1967; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Công T25, sinh năm 1970; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn L7, sinh năm 1966; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Mạnh L8, sinh năm 1990; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Ngọc V1, sinh năm 1986; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Khánh T26, sinh năm 1949; vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị H16, sinh năm 1970; vắng mặt.

+ Ông Lăng Văn T27, sinh năm 1969; vắng mặt.

+ Ông Mai Trọng K5, sinh năm 1944; vắng mặt.

+ Ông Ma Văn C15, sinh năm 1944; vắng mặt.

+ Ông Triệu Quang T28, sinh năm 1952; vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị T29, sinh năm 1987; vắng mặt.

- + Ông Vương Văn B5, sinh năm 1952; vắng mặt.
- + Chị Bàn Thị A6, sinh năm 1994; vắng mặt.
- + Ông Sầm Văn Đ8, sinh năm 1980; vắng mặt.
- + Ông Sầm Văn H18, sinh năm 1986; vắng mặt.
- + Anh Sầm Văn N19, sinh năm 1990; vắng mặt.
- + Ông Bàn Văn O1, sinh năm 1978; vắng mặt.
- + Ông Sầm Văn N20, sinh năm 1981; vắng mặt.
- + Ông Sầm Văn T30, sinh năm 1988; vắng mặt.
- + Ông Đặng Văn T31, sinh năm 1970; vắng mặt.
- + Ông Lý Quang T32, sinh năm 1982; vắng mặt.
- + Ông Lý Văn T33, sinh năm 1981; vắng mặt.
- + Bà Lý Thị V2, sinh năm 1979; vắng mặt.
- + Ông Triệu Tà C15, sinh năm 1981; vắng mặt.
- + Ông Triệu Tạ C16, sinh năm 1981; vắng mặt.
- + Bà Ma Thị B5, sinh năm 1985; vắng mặt.
- + Chị Nùng Thị B6, sinh năm 1992; vắng mặt.
- + Ông Đặng Xuân M2, sinh năm 1986; vắng mặt.
- + Ông Hà Văn T31, sinh năm 1987; vắng mặt.
- + Ông Sầm Thanh Q5, sinh năm 1986; vắng mặt.
- + Ông Ma Văn H12 sinh năm 1979; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang tiến hành giải quyết tin báo về tội phạm: Đài phát thanh truyền hình tỉnh Hà Giang có đưa tin: Trên phương tiện thông tin đại chúng được chia sẻ trên trang mạng xã hội Facebook có nội dung "Một số hộ dân thuộc thôn T và thôn 1, xã H, huyện Q, tỉnh G thuộc diện hộ nghèo không nhận được tiền chi quà trong dịp tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 theo chương trình ủng hộ của cán bộ, công nhân, viên chức cho hộ nghèo trên địa bàn huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang năm 2018". Quá trình điều tra tin báo đã xác định được Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G là công chức Văn Hóa - Xã Hội phụ trách Lao động - TB&XH của xã H, huyện Q, tỉnh G đã có hành vi tham ô số tiền ủng hộ "Tết vì người nghèo, nạn nhân chất độc da cam/Điôxin" tết Nguyên Đán Xuân Mậu Tuất năm 2018 và số tiền chúc thọ các cụ tròn 100 tuổi và tròn 90 tuổi nhân dịp tết Mậu Tuất năm 2018 tại xã H, huyện Q, tỉnh G.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay Nguyễn Ngọc L khai nhận: Năm 2001 Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn T, xã H, Q, tỉnh G tham gia công tác tại UBND xã H, huyện Q, tỉnh G là cán bộ văn phòng UBND xã H, trong quá trình công tác L được điều chuyển sang các chức danh công chức khác như cán bộ địa chính, cán bộ Văn phòng - thống kê, kế hoạch, cán bộ Tư pháp - Hộ tịch. Đến ngày 31/8/2015 Ủy ban nhân dân huyện Q có Quyết định số 3118/QĐ-UBND về việc điều chuyển chức danh công chức xã đối với Nguyễn Ngọc L từ công chức Tư pháp - Hộ tịch xã H sang giữ chức danh Văn hóa - Xã hội (phụ trách Lao động - TB&XH) xã H.

Theo chương trình hàng năm, ngày 30/11/2017 Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam - Hội chữ thập đỏ huyện Q có lời kêu gọi số 183/LKG-UBMTTQ-HCTĐ vận động ủng hộ "*Tết vì người nghèo, nạn nhân chất độc da cam/Đioxin*" Tết Nguyên Đán Xuân Mậu Tuất năm 2018. Sau khi Phòng Lao động - TB&XH huyện Q tổng hợp nguồn tiền ủng hộ tết vì người nghèo, nạn nhân chất độc da cam/Đioxin" xong, ngày 12/01/2018 Phòng Lao động - TB&XH có công văn số 04/CV-LĐTBXH về việc rà soát hộ nghèo (N1) có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hỗ trợ quà trong dịp tết Nguyên Đán Mậu Tuất năm 2018 gửi đến cơ sở, trong đó có UBND xã H. Đến đầu tháng 01/2018 chị Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1981 là cán bộ phòng Lao động - TB&XH huyện Q phụ trách giảm nghèo và bảo trợ xã hội gọi điện thoại cho L báo xã H được ấn định 100 suất quà tết cho hộ nghèo, mỗi suất quà định mức 300.000đ (*Ba năm nghìn đồng*) và yêu cầu lập danh sách gửi lên Phòng Lao động - TB&XH huyện Q để duyệt chi. Nhận được thông tin, L báo cáo ông Tỉnh Hà C - Phó chủ tịch UBND xã H, huyện Q và được chỉ đạo lập danh sách 100 hộ nghèo dựa vào danh sách 179 hộ nghèo của xã H. Ngày 17/01/2018 L tự chọn và lập danh sách 100 hộ nghèo được đề nghị tặng quà "*Tết vì người nghèo*" trong dịp tết Nguyên Đán Đinh Dậu năm 2017 mà không thông qua họp, bình xét, không thông qua UBND xã H. Theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 thì xã Liên Hiệp có thôn O và thôn Tân T là thôn đặc biệt khó khăn, trong danh sách hộ nghèo do L lập ngày 17/01/2018 có 24 hộ nghèo thuộc thôn Nà O và 21 hộ nghèo thuộc thôn T, ngoài ra trong danh sách có 01 hộ trùng tên, 01 hộ không có trên thực tế. Sau đó, L gửi danh sách 100 hộ nghèo đề nghị tặng quà "*tết vì người nghèo*" từ hòm thư điện tử của L là@gmail.com đến hòm thư điện tử của Phòng Lao động - TB&XH huyện Q@gmail.com. Đến cuối tháng 01/2018 chị Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1990, phụ trách kế toán của Phòng Lao động - TB&XH gọi điện thoại cho L báo có tiền quà tết. Ngày 30/01/2018 L đến Phòng Lao động - TB&XH huyện Q nhận số tiền: 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) và 08 bằng chúc thọ tương ứng với 08 suất quà chúc thọ của các cụ tròn 90 tuổi, 100 tuổi; 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) tương ứng với 06 suất quà tết của người bị nhiễm chất độc hóa học và số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) tương ứng với 100 suất quà tết của hộ nghèo trong dịp tết Nguyên Đán. L đã ký nhận tiền vào 01 danh sách nhận quà chúc thọ các cụ tròn 90 tuổi, 100 tuổi từ số thứ tự 32 đến

số 39 trong danh sách; 01 phiếu chi số 25 với nội dung "*Nguyễn Ngọc L nhận tiền quà tết CDHH xã H*" và 01 phiếu chi số 26 với nội dung "*Nguyễn Ngọc L nhận tiền quà tết hộ nghèo xã H*" lập ngày 30/01/2018 của Phòng Lao động - TB&XH huyện Q. Ngoài ra L còn nhận 01 danh sách "*tặng quà tết đối tượng hộ nghèo nhân dịp tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 xã H*", 01 danh sách "*nhận quà và bằng chúc thọ người cao tuổi tròn 90 tuổi trong dịp tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018*" có xác nhận của Trưởng phòng Lao động - TB&XH là ông Vũ Đức C và người lập biểu là chị Nguyễn Thị Đ, 01 danh sách "*người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CDHH nhận quà tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018*" có xác nhận của Phó trưởng phòng Lao động - TB&XH là bà Hà Thị X và người lập biểu là chị Hoàng Thu H phần xác nhận của UBND xã H đều được để trống. Sau khi nhận tiền từ phòng Lao động - TB&XH huyện Q, L không báo cáo lãnh đạo xã H, không nhập vào quỹ của đơn vị UBND xã H mà tự phát tiền cho 03 cụ được chúc thọ tròn 90 tuổi với số tiền là 1.500.000^d (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) và 03 bằng chúc thọ; 06 đối tượng nhiễm Chất độc hóa học với số tiền 1.800.000^d (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) theo danh sách; 18 hộ nghèo (trong đó thôn O có 11 hộ, thôn T có 04 hộ, thôn Trung Tâm có 03 hộ) theo danh sách 100 hộ nghèo được tặng quà tết với số tiền là 5.400.000^d (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*) số tiền còn lại 27.100.000^d (*Hai mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng*) L đã chiếm đoạt và chi tiêu cá nhân hết.

Đến đầu tháng 02/2018 chị Nguyễn Thị Đ tiếp tục gọi điện thoại cho L báo xã H được tặng bổ sung 23 xuất quà với định mức 300.000^d/xuất và đến nhận tiền. Ngày 06/02/2018 L lập danh sách 23 hộ nghèo "*danh sách tặng quà tết đối tượng hộ nghèo năm 2018*" trong đó có 07 hộ trên thực tế, 10 hộ bị trùng lặp tên và được sửa năm sinh, địa chỉ so với số thứ tự 01, 02 trên danh sách, 01 hộ được lập trùng tên và sai năm sinh so với danh sách 100 hộ, 05 hộ không có trên thực tế. Ngày 07/02/2018 L đến phòng Lao động -TB&XH huyện Q nhận 23 xuất quà tết tương ứng với số tiền 6.900.000^d (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*), L đã ký vào phiếu chi số 49 với nội dung "*Nguyễn Ngọc L nhận tiền quà tết hộ nghèo*" lập ngày 07/02/2018. Sau khi nhận tiền L cũng không nhập vào quỹ cơ quan, không báo cáo lãnh đạo UBND xã H, không phát tiền cho các hộ nghèo được nhận quà mà chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân hết. Để che dấu hành vi tham ô tài sản của mình L tự ký và điểm chỉ vào 02 danh sách tặng quà tết đối tượng hộ nghèo năm 2018 để quyết toán với phòng Lao động - TB&XH huyện Q. Trước khi quyết toán với phòng, L báo cáo ông Hoàng Kim C - Chủ tịch UBND xã H, huyện Q đã phát xong tiền tết cho hộ nghèo, người cao tuổi, người nhiễm chất độc hóa học và trình 01 danh sách "*tặng quà tết đối tượng hộ nghèo nhân dịp tết nguyên đán mậu tuất năm 2018 xã H*", 01 danh sách "*nhận quà và bằng chúc thọ người cao tuổi tròn 90 tuổi trong dịp tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018*", 01 danh sách "*người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CDHH nhận quà tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018*" đã có chữ ký, điểm chỉ tại phần ký nhận quà tết để ông Hoàng Kim C ký duyệt danh sách, còn đối với 01 danh sách 23 hộ nghèo bổ sung sau L trình ông Tỉnh Hà C1 - Phó chủ tịch UBND xã H ký duyệt. Ngày 02/03/2018 L đã gửi 04 danh sách tặng quà tết Mậu Tuất năm 2018

xã Liên Hiệp lên phòng Lao động - TB&XH huyện Q để hoàn thiện thủ tục quyết toán. Đến đầu tháng 5/2018 hành vi tham ô tài sản của L bị phát hiện, ngày 17/7/2018 L bị Cơ quan điều tra Công an huyện Quang bắt tạm giam và thu giữ vật chứng để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 14/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang có Quyết định trưng cầu giám định số 120 gửi phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang. Mẫu gửi giám định 01 danh sách tặng quà tết đối tượng hộ nghèo nhân dịp tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 xã H, gồm 100 hộ có số thứ tự từ 01 đến 100, danh sách có chữ ký và con dấu của ông Vũ Đức C - Trưởng phòng Lao động thương binh và xã hội và ông Hoàng Kim C1 - Chủ tịch UBND xã H (ký hiệu A1); 01 danh sách tặng quà tết đối tượng hộ nghèo năm 2018, gồm 23 hộ có số thứ tự từ 01 đến 23, danh sách do Nguyễn Ngọc L lập, có chữ ký và con dấu của ông Tỉnh Hà Chuyển - Phó Chủ tịch UBND xã Liên Hiệp (Ký hiệu A2); 01 danh sách người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học nhận quà tết nguyên đán Mậu Tuất 2018, người lập biểu là Hoàng Thu H, có chữ ký và con dấu của bà Hà Thị X - Phó trưởng phòng Lao động -TB&XH và Hoàng Kim C1 - Chủ tịch UBND xã H (ký hiệu A3); 01 phiếu chi số 26 lập ngày 30/01/2018, số tiền chi 30.000.000đ, có chữ ký của người nhận tiền là Nguyễn Ngọc L, chữ ký của Kế toán trưởng, Thủ quỹ và chữ ký, con dấu của ông Vũ Đức C - Trưởng phòng Lao động -TB&XH (ký hiệu A4); 01 phiếu chi số 49 lập ngày 07/02/2018, số tiền chi 6.900.000đ, có chữ ký của người nhận tiền là Nguyễn Ngọc L, chữ ký của Kế toán trưởng, Thủ quỹ và chữ ký, con dấu của ông Vũ Đức C - Trưởng phòng Lao động -TB&XH (ký hiệu A5); 01 phiếu chi số 25 lập ngày 30/01/2018, số tiền chi 1.800.000đ, có chữ ký của người nhận tiền là Nguyễn Ngọc L, chữ ký của Kế toán trưởng, Thủ quỹ và chữ ký, con dấu của ông Vũ Đức C - Trưởng phòng Lao động -TB&XH (ký hiệu A6). Mẫu so sánh là danh sách thu thập chữ ký, chữ viết và vân tay theo danh sách 100 hộ nghèo được nhận quà tết (ký hiệu M1), 01 danh sách thu thập mẫu chữ ký, chữ viết và dấu vân tay bổ sung cho danh sách 100 hộ nghèo được nhận tiền quà tết (ký hiệu M2); 01 danh sách thu thập mẫu chữ ký, chữ viết theo danh sách 23 hộ nghèo được nhận tiền quà tết của xã Liên Hiệp (ký hiệu M3); 01 danh sách thu thập mẫu chữ ký và chữ viết theo danh sách người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học nhận quà tết (ký hiệu M4); 01 bản tự khai ngày 11/7/2018 do Nguyễn Ngọc L viết và ký (ký hiệu M5); 01 biên bản làm việc với phòng Lao động - TB&XH huyện Q có chữ ký của ông Vũ Đức C (ký hiệu M6); 01 biên bản xác minh tại xã H có chữ ký của ông Hoàng Kim C1 - Chủ tịch UBND xã H (ký hiệu M7); 01 biên bản xác minh tại xã H có chữ ký của ông Tỉnh Hà C2 - Phó chủ tịch UBND xã H (ký hiệu M8). Yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký tại mẫu A1, A2 so với mẫu M1, M2; chữ ký và chữ viết đứng tên các hộ Đặng Văn Đ, Sầm Văn Đ1, Lý Văn H1, Đặng Văn T1, Sầm Ngọc S, Lý Văn L, Lý Văn M, Phúc Văn C4, Hoàng Thị T1, La Văn P, Nguyễn Văn H3 trên mẫu A1 so với chữ viết và chữ ký trên mẫu M2; chữ ký tại mục ký nhận của mẫu A3 và mẫu so sánh M4; chữ ký và chữ viết đứng tên Nguyễn Ngọc L trên mẫu A2, A4, A5, A6 so với mẫu M5; chữ ký đứng tên Vũ Đức C trên mẫu A1,

A4, A5, A6 với mẫu M6; chữ ký Hoàng Kim C1 trên mẫu A1, A3 so với mẫu M7; chữ ký Tinh Hà C3 trên mẫu A2 so với mẫu M8. Nội dung giám định: mẫu gửi giám định và mẫu so sánh có phải do cùng một người ký hay không?

Ngày 05/9/2018 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang có kết luận số 286/KL-PC09, kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết tại mục ký nhận, ghi rõ họ tên được đánh số thứ tự từ 01 đến 100 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, chữ viết tại mục ký nhận, ghi rõ họ tên được đánh số thứ tự từ 01 đến 23 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên tương ứng trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M3 thì có: 03 chữ do cùng một người ký và viết ra; 73 chữ không phải do cùng một người ký và viết ra; 20 chữ viết và chữ ký không có mẫu so sánh; 14 chữ ký và viết không đủ cơ sở kết luận do ít đặc điểm truy nguyên; 09 chữ ký khác dạng và chữ viết không tương ứng; 04 mẫu chữ không rõ nét bị tẩy xóa, mờ nhòe nên không tiến hành giám định được.

2. Chữ ký, chữ viết đứng tên Đặng Văn Đ, Sầm Văn Đ1, Lý Văn Hàm, Đặng Văn T, Sầm Ngọc S1, Lý Văn L, Lý Văn M, Phúc Văn C4, Hoàng Thị T1, La Văn P1, Nguyễn Văn H tại mục ký nhận, ghi rõ họ tên trên mẫu A1 so với mẫu M2 được kết luận như sau: Đặng Văn Đ, Phúc Văn C4 chữ ký khác dạng nên không tiến hành giám định, chữ viết không đủ cơ sở kết luận do đặc điểm giống và khác nhau tương đương; La Văn P1 chữ viết, chữ ký khác dạng nên không tiến hành giám định; các hộ còn lại không đủ cơ sở để kết luận do ít đặc điểm để truy nguyên.

3. Chữ ký, chữ viết tại mục ký nhận, ghi rõ họ tên được đánh số thứ tự từ 01 đến 06 trên mẫu A3 so với chữ ký, chữ viết đứng tên các hộ tương ứng trên mẫu M4 được kết luận: Hoàng Kháng T2 do cùng một người ký và viết ra, Hoàng Trọng K và Vương Văn B chữ ký, chữ viết không đủ cơ sở kết luận do đặc điểm giống và khác nhau tương đương; Triệu Hồng T3 và Ma Văn C5 chữ ký khác dạng nên không tiến hành giám định, chữ viết không đủ cơ sở để kết luận do ít đặc điểm để truy nguyên; Triệu Quang T4 chữ ký không đủ cơ sở kết luận do đặc điểm giống và khác nhau tương đương, chữ viết do cùng một người viết ra.

4. Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Ngọc L trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A4, A5, A6 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Ngọc L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 do cùng một người ký và viết ra.

5. Chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Đức C trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A4, A5, A6 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Đức C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6 do cùng một người ký và viết ra.

6. Chữ ký đứng tên Hoàng Kim C1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A3 so với chữ ký đứng tên Hoàng Kim C1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7 do cùng một người ký ra.

7. Chữ ký đứng tên Tỉnh Hà C2 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký đứng tên Tỉnh Hà C2 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M8 do cùng một người ký ra.

Ngày 16/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang có Quyết định trưng cầu giám định số 134 gửi phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang yêu cầu giám định dấu vân tay ngón trỏ phải đứng tên những người tương ứng trên tài liệu cần giám định 01 danh sách tặng quà tết đối tượng hộ nghèo nhân dịp tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 xã H, gồm 100 hộ có số thứ tự từ 01 đến 100, danh sách có chữ ký và con dấu của ông Vũ Đức C - Trưởng phòng Lao động thương binh và xã hội và ông Hoàng Kim C1 - Chủ tịch UBND xã H ký hiệu A1 so với dấu vân tay ngón trỏ phải của những người trên tài liệu mẫu gồm 01 danh sách thu thập mẫu chữ ký, chữ viết và dấu vân tay theo danh sách 100 hộ nghèo được nhận tiền quà tết của xã H (ký hiệu M1); 01 danh sách thu thập mẫu chữ ký, chữ viết và dấu vân tay bổ sung cho danh sách 100 hộ nghèo được nhận tiền quà tết của xã H (ký hiệu M2) có phải của một người không?. Đến ngày 31/8/2018 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang có kết luận số 290/KL-PC09, kết luận: Dấu vân tay đứng tên những người tương ứng trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 không đủ yếu tố giám định.

Ngày 30/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang có Quyết định trưng cầu giám định số 175 gửi phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết đứng tên Nguyễn Ngọc L tại mục "ký nhận", "ghi rõ họ tên" được đánh số thứ tự từ 32 đến 39 trên tài liệu cần giám định 01 danh sách nhận tiền quà chúc thọ người cao tuổi tròn 90 tuổi, 100 tuổi trên địa bàn huyện Q ghi ngày 31/01/2018 ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Ngọc L trên tài liệu mẫu so sánh 01 bản tự khai do Nguyễn Ngọc L - công chức Lao động thương binh xã hội xã H viết và tự ký tên ghi ngày 30/10/2018 ký hiệu M1 và 01 đơn xin nghỉ phép do Nguyễn Ngọc L - công chức Lao động thương binh xã hội xã H viết và tự ký tên ghi ngày 20/12/2017 ký hiệu M2 có phải do cùng một người ký và viết ra không?. Ngày 03/11/2018 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang có kết luận số 369/KL-PC09, kết luận: Chữ ký, chữ viết của Nguyễn Ngọc L tại mục "Ký", "Ghi rõ họ tên" được đánh số thứ tự từ 32 đến 39 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Ngọc L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết và ký ra.

Ngày 13/11/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang có Quyết định trưng cầu giám định số 191 gửi phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang trưng cầu: 01 danh sách nhận tiền quà và bằng chúc thọ người cao tuổi tròn 90 tuổi dịp Tết nguyên đán mậu tuất năm 2018 ghi ngày 20/01/2018 ký hiệu A1. Mẫu so sánh gồm: 01 biên bản ghi lời khai của Hoàng Khánh T3 ghi ngày 30/9/2018 ký hiệu M1; 01 bản tự khai của Nguyễn Ngọc L ghi ngày 16/11/2018 ký hiệu M2; 01 biên bản ghi lời khai của Ma Văn H ghi ngày 06/10/2018 ký hiệu M3; 01 biên bản ghi lời khai của Hoàng Thị H2 ghi ngày 30/9/2018 ký hiệu M4; 01 biên bản ghi lời khai của Nguyễn Văn M ghi ngày 03/10/2018 ký hiệu M5; 01 biên bản ghi lời khai của Hoàng Văn L ghi ngày

03/10/2018 ký hiệu M6; 01 biên bản ghi lời khai của Nguyễn Thị X1 ghi tháng 10/2018 ký hiệu M7. Đến ngày 15/11/2018 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang có kết luận số 04/KL-PC09, kết luận:

1. Chữ viết "Toàn", "Hoàng Khánh T" dưới mục "Ký nhận", "Ghi rõ họ tên" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết, chữ ký của Hoàng Khánh T dưới mục "Người khai" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết "Hội", "Ma Thị H" dưới mục "Ký nhận", "Ghi rõ họ tên" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết đứng tên Nguyễn Ngọc L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một người viết ra

3. Chữ viết, chữ ký đứng tên Ma Văn H1 dưới mục "Ký nhận" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Ma Văn H1 dưới mục "Người khai" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 khác dạng nên không tiến hành giám định.

4. Chữ viết "Hợp", "Hoàng Thị H2" dưới mục "Ký nhận", "Ghi rõ họ tên" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Hoàng Thị H2 dưới mục "Người khai" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4 không phải do cùng một người viết ra.

5. Chữ viết "Muối", "Nguyễn Văn M" dưới mục "Ký nhận", "Ghi rõ họ tên" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Nguyễn Văn M dưới mục "Người khai" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 không phải do cùng một người viết ra.

6. Chữ ký đứng tên Hoàng Văn L dưới mục "Ký nhận" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Hoàng Văn L dưới mục "Người khai" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6 khác dạng nên không tiến hành giám định.

Chữ viết đứng tên Hoàng Văn L dưới mục "Ghi rõ họ tên" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Hoàng Văn L dưới mục "Người khai" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6 có ít đặc điểm để truy nguyên, nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người viết ra hay không.

7. Chữ viết "Xen", "Nguyễn Thị X1" dưới mục "Ký nhận", "Ghi rõ họ tên" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Nguyễn Thị X1 dưới mục "Người khai" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7 không phải do cùng một người viết ra.

Đối với Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh G và phòng Lao động thương binh xã hội huyện Q là nguyên đơn dân sự, tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn dân sự là ông Hoàng Văn P, sinh năm: 1964, chức vụ: Trưởng Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Q, tỉnh G trình bày: Số tiền 34.000.000đ Nguyễn Ngọc L chiếm đoạt tiền tết vì người nghèo trong dịp tết nguyên đán Mậu tuất năm 2018 là nguồn tiền đóng góp một ngày lương của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, chiến sỹ, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và nhân dân trên địa bàn huyện Q nộp về Phòng Lao động

thương binh xã hội huyện Q theo lời kêu gọi số 183/LKG-UBMTTQ-HCTĐ ngày 30/11/2017. Ngoài ra Nguyễn Ngọc L còn tham ô số tiền 2.500.000đ là nguồn tiền được Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh G cấp và ủy quyền cho Phòng lao động thương binh và xã hội triển khai thực hiện tặng quà tết và bằng chúc thọ đến các cụ tròn 90 tuổi, 100 tuổi. Khi hành vi tham ô của L được phát hiện, trong thời gian UBND xã H tiến hành thanh tra L đã tự khắc phục hậu quả chi tiền quà tết mỗi xuất quà trị giá 300.000đ cho 59 hộ nghèo với số tiền là 17.700.000đ và 05 xuất quà chúc thọ, mỗi xuất trị giá 500.000đ và 05 bằng chúc thọ cho 05 cụ tròn 90 tuổi với số tiền là 2.500.000đ. Với tư cách là đại diện của nguyên đơn dân sự ông Hoàng Văn P đề nghị Nguyễn Ngọc L phải hoàn trả lại số tiền L chiếm đoạt là 13.800.000đ tiền ủng hộ tết vì người nghèo, còn đối với hành vi tham ô của L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của họ tại quá trình điều tra yêu cầu phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Bắc Quang có trách nhiệm chi tiền quà tết vì người nghèo theo chế độ mà họ được hưởng cho các hộ chưa nhận được tiền gồm: Giàng Văn D, Giàng Văn C5, Đặng Chòi S, Hà Văn L2, Bàn Văn T5, Đặng Văn Đ, Đặng Chòi L3, Bàn Quang C5, Nông Thị N, Lưu Văn P1, Trịnh Công Q, Phan Thị N2, Hoàng Thị T6, Hoàng Thị N3, Ma Văn Q, Hoàng Thị T7, Vương Văn T8, La Văn P3, Nguyễn Văn H, Tả Văn S1, Ma Văn C6, Triệu Văn C7, Nguyễn Văn H2, Lương Văn N4, Phùng Văn Q1, Nguyễn Văn T9, Lương Văn Q3 Phùng Sùn L4, Hoàng Văn N5. Còn về hành vi tham ô của Nguyễn Ngọc L họ không có ý kiến gì, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Ma Thị T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện X, tỉnh G là vợ của anh Nguyễn Ngọc L đã dùng tiền lương của chị để khắc phục cho chồng cho 02 xuất quà tương ứng với số tiền 1.000.000đ cho hai cụ Hoàng Văn S và Quan Thị M được tặng quà chúc thọ cho các cụ tròn 90 tuổi trong dịp tết nguyên đán Mậu tuất năm 2018 mà Nguyễn Ngọc L đã chiếm đoạt, chị T không yêu cầu L phải hoàn trả lại số tiền 1.000.000đ chị đã tự nguyện khắc phục hậu quả thay L nữa, chị chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Ngọc L.

Đối với UBND xã H là chủ sở hữu đối với chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu SONY VAIO, model SVE141R11W vật chứng Nguyễn Ngọc L sử dụng để soạn thảo danh sách 100 hộ nghèo được đề nghị tặng quà "*Tết vì người nghèo*" trong dịp tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017 và danh sách 23 hộ nghèo bổ sung đề nghị tặng quà "*Tết vì người nghèo*" trong dịp tết Nguyên đán Mậu tuất năm 2018 gửi phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Q để Nguyễn Ngọc L nhận được số tiền 36.900.000đ tiền quà "*Tết vì người nghèo*". Tuy nhiên sau khi nhận được tiền L không báo cáo lãnh đạo UBND xã H và không nhập vào quỹ của đơn vị nên UBND xã H không biết việc L tham ô tài sản. Chiếc máy tính là tài sản của UBND xã H, hiện nay cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang đang thu giữ là vật chứng trong vụ án, đơn vị không có máy tính để thực hiện nhiệm vụ công nên đề nghị HĐXX yêu cầu Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc

Quang trả lại chiếc máy tính nêu trên cho UBND xã H để phục vụ công việc, thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Bản Cáo trạng số: 01/CT-VKSBQ ngày 30/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc L về tội: “*Tham ô tài sản*”, theo quy định tại điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Ngọc L theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội: “*Tham ô tài sản*”. Áp dụng điểm c, điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 353, Điều 38, Điều 54, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L từ 05 năm tù đến 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm - 02 năm, không phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 580 Bộ luật dân sự hoàn trả số tiền 13.800.000^d (*Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng*) cho Phòng Lao động - TB&XH huyện Q theo biên lai thu tiền số 03910 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc quang

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47, áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại 01 máy tính xách tay nhãn hiệu SONY VAIO, model SVE141R11W, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng bên trong cho UBND xã H; trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, 16Gb màu trắng, số IMEI: 358757052434860, mặt kính của máy bị vỡ nứt nhiều đường ở bên phải cả phần góc trên và góc dưới, máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong; số tiền 5.257.000^đ (*Năm triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) thu giữ của bị cáo ngày 17/7/2018 cho Nguyễn Ngọc L.

Trong phần tranh luận bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt và nhân chứng vắng mặt tại phiên tòa trước đó đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc L đều thừa nhận: Để có tiền tiêu dùng cho cá nhân nên trong thời gian đảm nhiệm chức danh Văn hóa - Xã hội (phụ trách Lao động - TB&XH) của UBND xã H, huyện Q, Nguyễn Ngọc L trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc việc thực hiện và chi trả các chế độ đối với người hưởng chính sách xã hội và người có công; thực hiện các hoạt động bảo trợ xã hội và chương trình xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn cấp xã quy định tại điều 9 Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ nội vụ Hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn. Đầu năm 2018 Nguyễn Ngọc L đã thực hiện 02 lần hành vi tham ô tài sản, cụ thể:

Lần 01: Ngày 30/01/2018 Nguyễn Ngọc L đến Phòng Lao động - TB&XH huyện Q nhận số tiền: 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) và 08 bằng chúc thọ tương ứng với 08 xuất quà chúc thọ của các cụ tròn 90 tuổi, 100 tuổi kèm theo danh sách nhận quà và bằng chúc thọ người cao tuổi tròn 90 tuổi trong dịp tết Nguyên đán mậu tuất năm 2018 và L nhận số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) tặng quà tết theo chương trình "tết vì người nghèo" cho 100 hộ nghèo trên địa bàn xã H tương ứng mỗi xuất quà là 300.000đ kèm theo danh sách tặng quà tết đối tượng hộ nghèo nhân dịp tết Nguyên đán mậu tuất năm 2018. Sau khi nhận danh sách và tiền L không nhập vào quỹ của UBND xã H, cũng không báo cáo lãnh đạo UBND xã Liên H mà L tự phát cho 18 hộ nghèo trong danh sách 100 hộ nghèo với số tiền 5.400.000đ, phát cho 03 cụ người cao tuổi tròn 90 tuổi trong danh sách với số tiền là 1.500.000đ và bằng chúc thọ, số tiền còn lại là 27.000.000đ Nguyễn Ngọc L đã chiếm đoạt và chi tiêu cá nhân hết.

Lần 02: Ngày 07/12/2018 L đến phòng Lao động - TB&XH huyện Q nhận số tiền 6.900.000đ (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*) bổ sung thêm 23 xuất quà tết cho 23 hộ nghèo năm 2018. Sau khi nhận được tiền L cũng không nhập vào quỹ của UBND xã H và không báo cáo lãnh đạo UBND xã H mà đem chi tiêu cá nhân hết. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực hành vi để nhận thức hành vi nào là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp.

Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 34.000.000^d (*Ba mươi tư triệu đồng*), đây là số tiền quyên góp cho những vùng kinh tế đặc biệt khó khăn (*Theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 thì xã Liên Hiệp có thôn Nà Ôm và thôn Tân Thành II là thôn đặc*

biệt khó khăn, trong danh sách hộ nghèo do L lập ngày 17/01/2018 có 24 hộ nghèo thuộc thôn Nà Ôm và 21 hộ nghèo thuộc thôn Tân Thành II) do Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh G và phòng Lao động thương binh và xã hội Q, tỉnh G có trách nhiệm quản lý và thực hiện việc chi trả theo chế độ cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật, nên hành vi của bị cáo đã rơi vào tình tiết định khung, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các nhân chứng cùng tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Ngọc L đã phạm tội "*Tham ô tài sản*" theo điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "*Tham ô tài sản*", được quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

.....

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

đ) Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng, các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn;"

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm uy tín, tính đúng đắn trong hoạt động của cơ quan Nhà nước do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện nhiệm vụ - Là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ, bị cáo là người có trình độ, hiểu biết pháp luật và giữ chức vụ quyền hạn trong cơ quan Nhà nước nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, điều đó thể hiện sự bất chấp kỷ cương, coi thường pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy nên cần thiết phải xử lý bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn với mức án đủ nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, để giáo dục bị cáo trở thành con người lương thiện, có ích cho xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Trong các giai đoạn tố tụng bị cáo đều

thành khẩn khai báo; bị cáo đã bồi thường thiệt hại; ông ngoại của bị cáo là người có công với Nhà nước, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần phải áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Ngọc L đảm nhiệm chức vụ: Công chức văn hóa - xã hội trong thời hạn nhất định. Xét thấy bị cáo Nguyễn Ngọc L hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về bồi thường thiệt hại: Nguyên đơn dân sự yêu cầu hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt của phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Q là 13.800.000^d (*Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng*). Tại phiên tòa bị cáo nhất trí hoàn trả theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn dân sự là chính đáng, phù hợp với quy định pháp luật, nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho nguyên đơn dân sự (phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Q) là 13.800.000^d (*Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang là 13.800.000^d (*Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 03910 ngày 21-12-2018.

Đối với tổng số tiền 20.200.000đ Nguyễn Ngọc L đã tự nguyện khắc phục phát tiền cho 59 hộ nghèo với số tiền là 17.700.000đ và 05 cụ được chúc thọ với số tiền là 2.500.000đ theo danh sách tặng quà tết do phòng lao động thương binh và xã hội lập trong thời gian UBND xã H tiến hành thanh tra đối với hành vi vi phạm của Nguyễn Ngọc L. Những hộ nghèo và đại diện theo ủy quyền của 05 cụ đều khẳng định đã được nhận tiền theo đúng chế độ do L tự khắc phục bồi thường, nay họ không có yêu cầu hay đề nghị gì khác, do đó hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với Phòng Lao động - TB&XH huyện Q theo quy trình cấp phát tiền tết vì người nghèo phòng phải yêu cầu UBND xã H nộp danh sách các hộ nghèo đề nghị tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán Mậu tuất năm 2018, sau đó phòng kiểm tra, đối chiếu phê duyệt danh sách gửi lại xã để xã cấp phát quà theo danh sách của phòng đã phê duyệt. Tuy nhiên trong vụ án này phòng Lao động - TB&XH huyện Q đã thiếu trách nhiệm trong quy trình kiểm tra, phê duyệt danh sách dẫn đến danh sách 100 hộ nghèo được đề nghị tặng quà tết lần đầu có 01 hộ trùng tên, sai năm sinh, 01 hộ không có tên trên thực tế, còn danh sách bổ sung 23 hộ nghèo phòng không yêu cầu xã lập danh sách để phê duyệt mà để xã tự lập danh sách trong đó chỉ có 07 hộ trên thực tế, 10 hộ bị trùng lặp tên và được

sửa năm sinh, 01 hộ được lập trùng tên và sai năm sinh so với danh sách 100 hộ, 05 hộ không có tên trên thực tế, phòng đã thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra và ký duyệt danh sách gây thất thoát số tiền là 5.100.000đ. Do vậy kiến nghị UBND huyện Q xem xử lý theo quy định.

[5] Về vật chứng: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu SONY VAIO, model SVE141R11W, xét thấy bị cáo đã sử dụng chiếc máy tính này để lập, in các chứng từ quyết toán thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên chiếc máy tính này là của UBND xã Liên Hiệp đã giao cho L quản lý sử dụng để giải quyết công tác BHYT và các hồ sơ khác cho người dân kịp thời, UBND xã H không biết bị cáo dùng máy tính này để thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần áp dụng khoản 2 điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại 01 máy tính xách tay nhãn hiệu SONY VAIO, model SVE141R11W, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng bên trong cho chủ sở hữu là UBND xã H

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, 16Gb màu trắng, số IMEI: 358757052434860, mặt kính của máy bị vỡ nứt nhiều đường ở bên phải cả phần góc trên và góc dưới, máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong; số tiền 5.257.000đ (*Năm triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang tạm giữ trên người Nguyễn Ngọc L khi bắt người ngày 17/7/2018. Xét thấy chiếc điện thoại và số tiền nói trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc L.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, đ khoản 2, khoản 5 Điều 353, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 47, Điều 54 của Bộ luật hình sự; Điều 580 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 17-7-2018).

Cấm bị cáo Nguyễn Ngọc L đảm nhiệm chức vụ: Công chức văn hóa - xã hội thời hạn là 01 (Một) năm, sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt của Phòng Lao động - TB&XH huyện Q là 13.800.000đ (*Mười ba triệu tám*

trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang là 13.800.000đ (Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai số 03910 ngày 21-12-2018.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại 01 máy tính xách tay nhãn hiệu SONY VAIO, model SVE141R11W, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng bên trong cho UBND xã H, huyện Q, tỉnh G.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, 16Gb màu trắng, số IMEI: 358757052434860, mặt kính của máy bị vỡ nứt nhiều đường ở bên phải cả phần góc trên và góc dưới, máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong và số tiền 5.257.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tại tài khoản gửi của Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang, mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Quang sang tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Quang cho bị cáo Nguyễn Ngọc L.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 13-12-2018).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng Lao động - &TBXH huyện Bắc Quang;
- Sở Lao động - &TBXH tỉnh Hà Giang;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh

